

NGUYỄN HỮU SỬ**
TRẦN QUANG ĐỨC**

THẦN HÓA VÀ VƯƠNG QUYỀN QUA BÚT PHÁP VỤ SỬ TRONG BỘ Đ I VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ^{*}

Tóm tắt: *Vụ sử là một khái niệm dùng để chỉ bút pháp tự sự trong việc ghi chép cổ sử với đặc trưng là liên hệ các hiện tượng tại địa, điểm lành, giắc mộng với đời sống và công cuộc cai trị đế vương, từ đó tôn vinh và bảo vệ hoàng thất. Chịu ảnh hưởng truyền thống vụ sử của Trung Hoa qua nghìn năm Bắc thuộc cùng với niềm tin bách thần sẵn có của người Việt, các sử quan phong kiến Việt Nam khi chép sử cũng sử dụng bút pháp vụ sử nhằm thần thánh hóa vương triều và chế độ, dự trắc kịp thời để nhắc nhở quân vương tránh khỏi họa lớn. Bài viết tìm hiểu truyền thống vụ sử ở Việt Nam qua khảo cứu bộ “Đại Việt sử ký toàn thư”.*

Từ khóa: *Vụ sử, thần hóa, vương quyền, Đại Việt sử ký toàn thư.*

1. Đặt vấn đề

Sử thực là những sự kiện lịch sử tồn tại chân thực, khách quan, còn sử liệu là những ghi chép sự kiện lịch sử thông qua cách nhìn chủ quan của người chép sử. Từ sử liệu đến sử thực luôn tồn tại khoảng cách. Công việc quan trọng của người nghiên cứu lịch sử là phân tích, phê phán, khảo đính tài liệu một cách thận trọng, từ đó xác định tính chân xác và độ tin cậy của sử liệu để tiệm cận với sử thực. Với truyền thống văn sử bất phân, truy xa hơn là vụ sử đồng nguyên của các nước Á Đông, các trước tác sử học không chỉ thực hiện chức năng lưu giữ ký ức, mà còn được dùng để giáo huấn, củng cố tính chính thống của triều đại đang trị vì. Nhà viết sử phong kiến trước tiên là nhà văn (văn sử), đồng thời kiêm công việc của vụ sư (thầy mo) chiêm tinh giải mộng, bói điềm lành dữ (vụ sử) để kịp thời cảnh báo quân vương. Với mục đích phục vụ vương triều, việc lựa chọn và xử lý thông tin đưa vào sử sách in đậm dấu ấn của sử quan. Không ít thông tin mang tính vụ thuật, chiêm bốc, được viết bằng

* NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** NCV., Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

bút pháp vu sử chứa đựng những ý nghĩa ẩn dụ, không nên được coi là sử thực. *Đại Việt sử ký toàn thư* là một trong những trước tác sử học của Việt Nam nhiều lần sử dụng bút pháp này.

2. Khái quát truyền thống vu sử trong việc chép sử tại Trung Quốc

Vu sư chuyên phụ trách việc thờ cúng, bói toán, được cho là những người có pháp lực, có thể kết nối Cõi Thần và Cõi Người, dự đoán việc lành dữ, chữa trị bệnh tật. Sau đó, do nhu cầu công việc, vu sư phải ghi chép phả hệ, lịch sử của bộ tộc cùng các hiện tượng tự nhiên, sự kiện diễn ra trong từng ngày. Vô hình trung, vu sư thực hiện nhiệm vụ của sử quan. Chức danh sử quan lần đầu tiên xuất hiện vào thời Thương (1766 - 1122 trước Công nguyên). Song, do sử quan luôn kiêm nhiệm công việc của vu sư, nên thường được người đời sau gọi chung là vu sử. “Sự chia tách giữa sử quan và vu sử bắt đầu từ thời Xuân Thu Chiến Quốc (722 - 221 trước Công nguyên) đến thời Hán (206 trước Công nguyên - 220 sau Công nguyên) thì hoàn thành. Văn hóa sử quan được sản sinh ra từ mẫu thể là văn hóa vu quan”¹.

Văn hóa vu thuật và sử quan được coi là cội nguồn văn hóa và tư tưởng biện chứng của Trung Quốc thời Cổ đại. Trong đó, văn hóa vu thuật chủ yếu thể hiện ở học thuyết Âm Dương, Thiên Mệnh cùng phương thức tư duy suy diễn từ Thiên Đạo sang Nhân Đạo, mượn các hiện tượng tự nhiên để giải thích việc người. Văn hóa sử quan chủ yếu thể hiện ở việc quan sát và tổng kết kinh nghiệm thịnh suy, thành bại, tồn vong trong quá trình phát triển và biến đổi của lịch sử xã hội, từ đó khái quát thành hệ thống lý thuyết².

Trước khi có văn tự, vu sử chủ yếu dựa vào hình thức truyền miệng để lưu truyền các câu chuyện thần thoại của bộ tộc. Để thu hút người nghe, thần thoại được hư cấu, sau khi chữ viết xuất hiện, được lựa chọn để trở thành sử liệu. Trong bộ *Sử Ký* có không ít nội dung bắt nguồn từ những câu chuyện thần thoại như việc mẹ của Tiết, tổ nhà Thương, nuốt trứng chim thần mà mang thai; mẹ của Hậu Tắc, tổ nhà Chu, giẫm lên vết chân người khổng lồ mà có chửa, v.v... Những câu chuyện này nhằm tạo vòng hào quang thần thánh về nguồn gốc xuất thân của các vị đế vương. Đây được coi là một trong những bút pháp vu sử tiêu biểu. Khái niệm bút pháp vu sử của chúng tôi sử dụng chỉ bút pháp tự sự dùng trong việc ghi chép cổ sử với đặc trưng là liên hệ các hiện tượng tai dị, điềm lành, giấc mộng với đời sống và công cuộc cai trị đế vương, từ đó tôn vinh và bảo

vệ hoàng thất. *Xuân Thu*, *Tả Truyện* là những bộ sử quan trọng có tầm ảnh hưởng sâu nặng tới truyền thống viết sử tại các quốc gia Đông Á, cũng là những tác phẩm mang đậm dấu ấn vu sử.

Xuân Thu ghi chép ba nội dung lớn, bao gồm: việc người (hơn 1.000 lần: triều cống, tuyên thệ, chiến tranh, sinh tử, hôn thú của vua và chư hầu, việc xây dựng công trình thổ mộc,...); việc Trời (gần 250 lần: các hiện tượng thiên nhiên, thiên tai,...); việc cúng tế (gần 60 lần: tế Giao, tế tông miếu, cúng rằm, mừng một,...) được xâu chuỗi lại với hình thức sử biên niên. Biểu hiện quan trọng nhất của tính vu sử trong *Xuân Thu* là kết cấu quan hệ thần hóa - vương quyền. Các sử quan ghi chép *Xuân Thu* không những phải thu lục những việc diễn ra trong cuộc sống thường nhật, việc cúng tế ma chay, mà còn xuất phát từ tín kính thần hóa. Họ phải kính sợ Trời, phải cảm bút ghi chép thiên tượng. Thông qua quan sát thiên tượng cũng như các điềm tai dị, sử quan kịp thời nhắc nhở quân vương thận trọng hành xử, noi theo phép tắc của các vị hiền vương. Nói một cách tổng quan, toàn bộ nội dung và hình thức của *Xuân Thu* đều phản ánh, củng cố vương quyền; cố gắng thần thánh hóa chế độ nhà nước và quân chủ³.

Được coi là tác phẩm trần thuật, diễn dịch lại *Xuân Thu*, tuy nhiên *Tả Truyện* tập hợp gần 50 thông tin liên quan đến việc bói toán trong các trường hợp yến hội, hôn nhân, sinh con, địa vị, chiến sự, cúng tế, cầu mưa, dời đô, bệnh tật, cư trú, chiêm tinh, nhật thực mà *Xuân Thu* không chép⁴. Bên cạnh đó, tác giả *Tả Truyện* sử dụng triệt để mô thức chiêm mộng, biến chiêm mộng trở thành một trong những công cụ đấu tranh chính trị quan trọng⁵. Ngoài ra, đặc điểm nổi bật của phương thức tự sự trong *Tả Truyện* là việc đạo đức hóa, thần bí hóa mối quan hệ nhân quả của sự kiện. Các nhân tố đạo đức như Lễ, Nghĩa được đề cập trong *Tả Truyện* đều được tác giả coi là những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thành bại. Chẳng hạn, điềm báo xuất hiện trong *Tả Truyện* hầu hết mang khuynh hướng đạo đức hóa. Những việc phù hợp với Lễ, Nghĩa thì xuất hiện điềm lành, những việc trái với Lễ, Nghĩa thì xuất hiện điềm dữ. Những điềm báo này có khi là lời nói của bậc trí giả, cũng có khi là sự ám thị thần bí của việc bói toán, mộng cảnh và hiện tượng thiên nhiên⁶.

Vào thời Tần Hán, chức năng của sử quan đã phân hóa rõ ràng, tính chất vu sử trong trước thuật của sử quan đã giảm. Song việc chép sử vẫn chú trọng ở việc triển khai, làm rõ mối quan hệ thần hóa và vương quyền,

đồng thời cũng quan tâm hơn tới chi tiết của sự kiện lịch sử. Điều này một mặt do tầm ảnh hưởng sâu nặng của *Xuân Thu*, *Tả Truyện*, *Sử Ký*... tới truyền thống chép sử đời sau, mặt khác do tư tưởng Nho giáo hấp thu phần lớn tư tưởng *Xuân Thu*, cho nên sử quan sau này vẫn kiêm nhiệm một số nhiệm vụ của vụ sư. Truyền thống vụ sử này tiếp tục được duy trì tại các nước sử dụng chữ Hán đến hết thời phong kiến quân chủ, thậm chí vẫn có những ảnh hưởng nhất định tới tư tưởng, văn hóa của các quốc gia này đến tận ngày hôm nay.

3. Bút pháp vụ sử trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*

Thời Cổ đại, nỗi sợ hãi trước thiên nhiên là một trong những nguyên nhân chính khiến con người tin vào thần linh, ma quỷ, dẫn đến sự xuất hiện của những thầy mo kết nối hai thế giới Thần - Người. Ở nhiều nơi, thầy mo đồng thời đóng vai trò thủ lĩnh bộ lạc, liên kết các bộ lạc bằng chính khả năng vụ thuật của họ. Tại Trung Quốc, hiện tượng vụ là vua, vua kiêm vụ cùng hệ thống vụ vương tồn tại khoảng những năm 2514 - 1800 trước Công nguyên⁷.

Tại Việt Nam, do thiếu khuyết tư liệu, niên đại chính xác của thời đại Hùng Vương (tương truyền kéo dài từ năm 2879 đến năm 258 trước Công nguyên) cũng chưa thể xác định được. Song theo ghi chép của bộ sử Việt có niên đại sớm nhất là *Đại Việt sử lược*: “Bộ Võ Ninh có dị nhân, có thể dùng ảo thuật thu phục các bộ lạc, tự xưng Hùng Vương”⁸. Hùng Vương xuất hiện với dáng dấp của vụ sư có khả năng dị thường, dùng vụ thuật làm công cụ chính trị, thu phục các bộ lạc để dựng nước xưng vương. Thông tin về Hùng Vương ghi lại trong *Đại Việt sử lược* cần tiếp tục được nghiên cứu, phê khảo. Riêng hoạt động của các vụ sư Việt, muộn nhất vào khoảng ba trăm năm trước Công nguyên đã hết sức phong phú. Theo Tư Mã Thiên, tại khu vực Đông Âu Việt, về sau là cả khu vực nước Nam Việt, đã xuất hiện hệ thống các vụ sư thờ Thượng Đế, thánh thần, ma quỷ, xem bói bằng chân gà, được gọi là Việt vụ. Tư Mã Thiên cho biết: “Bấy giờ (110 trước Công nguyên) đã diệt nước Nam Việt. Người Việt là Dũng Chi bèn nói: Tục người Việt tin ma quỷ, đền thờ đều thấy ma quỷ, khẩn vài lần đều linh nghiệm. Xưa vua Đông Âu kính ma quỷ, thọ đến một trăm sáu mươi tuổi. Đời sau khinh mạn nên suy tồn. Đoạn bèn sai Việt vụ dựng đền thờ Việt, đặt bệ thờ, không có đàn tế, cũng thờ thần, Thượng Đế, trăm ma, dùng gà để bói. Hoàng thượng tin. Đền thờ Việt, phép bói gà bắt đầu sử dụng từ đây”⁹.

Như vậy, hệ thống Việt vu hán đã hình thành và phát triển từ rất sớm, đồng thời có những ảnh hưởng nhất định tới triều đình các nước Đông Âu Việt, Nam Việt. Tuy nhiên, hệ thống Việt vu không trực tiếp sản sinh ra sử quan, mà phải đợi tới gần 1.000 năm sau, khi nhà nước của người Việt được thành lập và củng cố, vận hành theo bộ máy chính quyền kiểu Trung Hoa, chức vụ sử quan mới được xác lập. Những câu chuyện ma quỷ, thần thoại dĩ nhiên vẫn tiếp tục được sáng tác và lưu truyền tại Việt Nam, trở thành một trong những nguồn tư liệu cổ sử quan trọng cung cấp cho sử quan khi trước thuật. Lúc này văn hóa Hán đã có những ảnh hưởng mạnh mẽ tới triều đình của người Việt. Sử quan Việt do học tập sách vở Trung Quốc, nên cũng chịu ảnh hưởng truyền thống viết sử kiểu Trung Quốc, trong đó có truyền thống vu sử. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi nhận việc các quan triều Lê Sơ: “Tâu xin bỏ tang phục mặc cát phục, căn cứ theo lời chiêm đoán các việc âm dương tai dị của Thái Sử Viện”¹⁰; trường hợp Thái sử Bùi Thì Hanh “cây có pháp thuật, ra vào các nhà đại thần đều gần gũi”¹¹. Thái sử Bùi Thì Hanh còn từng “bí mật tâu rằng, ngày mồng 1 tháng 5 có tinh vượng đen ăn Mặt Trời, hôm ấy sẽ có nhật thực. Có nhật thực thì trong nước có tai biến. Nếu bắt được vượn sống đem giết để trấn yểm thì có thể chấm dứt được tai biến”¹². Nhưng sau cùng, ông ta lại bị cách chức vì “tâu bậy là đến giờ Mão ngày 16 tháng ấy sẽ có nguyệt thực. Vua ra lệnh cho các quan đến cả cửa Thừa Thiên để cứu Trăng, nhưng không thấy nguyệt thực”.

Bút pháp vu sử theo truyền thống vu sử của Trung Quốc từ thời Tần Hán trở về sau chủ yếu thể hiện ở việc ghi chép và tiên đoán và các điềm tai dị, điềm lành, thần thánh hóa các sự kiện liên quan đến đế vương, từ đó liên hệ với nền đức chính của đế vương. Bút pháp vu sử thể hiện trong *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng không nằm ngoài nội dung này. Tuy nhiên, qua thống kê các thông tin ghi chép điềm tai dị, điềm lành, chiêm mộng trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có thể thấy, bút pháp vu sử được sử dụng nhiều nhất ở giai đoạn Lý - Trần và giảm dần vào thời Lê. Điều này, phần nào thể hiện sự thay đổi tư duy của sử quan. Song dù giảm bớt các ghi chép về điềm lành, sử quan thời Lê vẫn tin vào Thiên Mệnh, vào sự hô ứng, giao cảm giữa thần hóa và vương quyền, như Ngô Sĩ Liên quan niệm: “Người làm vua biết giữ tín đạt thuận, tới được mức trung hòa, cho nên bấy giờ Trời không tiếc đạo, Đất không tiếc của báu, móc ngọt tuôn sa, rượu thơm suối chảy, cỏ chi nảy mọc, vác vật điềm lành như rồng,

phượng, rùa, lân, không giống gì không đến. Thời (Lý) Nhân Tông, sao các vật điềm lành nhiều đến thế? Là vì nhà vua thích, cho nên bề tôi dâng xằng mà thôi [...]. Những chuyện như dấu về người thần, ánh sáng xá lý, cây ưu đàm nở hoa, tượng Phật cổ nổi lên đều do bọn nhà sư ra cả. Người cầm bút chép sử đương thời không xét lý lẽ, cứ theo thể mà chép vào sử sách”¹³.

3.1. *Điềm tai dị*

Tai dị là những hiện tượng tự nhiên dị thường tai hại, được coi là sự răn đe của trời đất. Đồng Trọng Thư quan niệm: “Vạn vật trong trời đất mà có sự biến đổi bất thường thì gọi là Dị. Sự thay đổi nhỏ thì gọi là Tai. Tai thường đến trước mà Dị thì theo sau. Tai là sự khiển trách của Trời. Dị là uy của Trời vậy. Khiển trách mà vẫn không biết thì sẽ dọa nạt bằng uy”¹⁴; “Gốc của điềm tai dị đều nảy sinh ở sự sai trái của nhà nước. Sự sai trái của nhà nước mới nhen nhóm, Trời liền hiện ra điềm tai hại để cảnh cáo. Cảnh cáo mà vẫn không biết thay đổi thì lại hiện ra điềm quái dị để dọa nạt. Dọa nạt mà vẫn không biết kinh sợ thì tai ương sẽ ập tới”¹⁵. Trong đó, hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, Sao Chổi xuất hiện, động đất được cho là những điềm báo hung dữ bậc nhất trong các hiện tượng tai dị. Đặc biệt là, các hiện tượng liên quan tới Mặt Trăng, Mặt Trời, bởi quan niệm xưa cho rằng: “Mặt Trời là tinh của thái dương, chủ việc sinh dưỡng ân đức, tượng trưng cho bậc quân vương [...]. Nhật thực, âm xâm phạm dương, là tượng bề tôi lấn át vua, có họa vong quốc [...]. Mặt Trăng là tinh của thái âm, phối với Mặt Trời, tượng trưng cho bậc nữ chủ. Dem so với nền đức chính thì mang nghĩa hình phạt. Dem liệt vào triều đình thì tương tự phạt bề tôi”¹⁶.

Tại Việt Nam, các hiện tượng như nhật thực, nguyệt thực, Sao Chổi mọc, động đất, sao sa,... đều được coi là hiện tượng tai dị, có liên hệ trực tiếp tới chính trị và sự tồn vong của vương triều. Lời tấu của các quan triều Lê Kính Tông ghi nhận: Tai biến không phải bỗng dưng mà có, hẳn là bên trong có lỗi đức, bên ngoài có lỗi chính, kỷ cương lỏng lẻo, pháp lệnh trễ nải, quan lại hà khắc, dân chúng dao động, việc người có nhiều sự bất hòa mà đến thế chẳng? Kính xét *Chu Thư* có nói: “Vua thì xem vào sao Tuế, các khanh sĩ thì xem vào Mặt Trăng, thứ dân thì xem vào các sao” là nói việc người có điềm được mất, tốt xấu đều ứng hiện theo loại cả¹⁷. Một khi các hiện tượng tai dị liên tiếp xảy ra, Thái Sử Viện buộc phải cảnh báo quân vương “thận trọng trước sự răn bảo của Trời,

làm hết phận sự của người” để cứu vãn thiên tai¹⁸. Triều đình Việt Nam và Trung Quốc còn đặt riêng một thứ lễ nhạc để hộ cứu Mặt Trăng, Mặt Trời mỗi khi có nhật thực và nguyệt thực¹⁹. Tại Việt Nam, theo lệ cũ, sét đánh cung điện, đường vũ, còn phải làm chay cầu phúc trừ tà²⁰.

Qua khảo cứu *Đại Việt sử ký toàn thư*, chúng tôi nhận thấy, các ghi chép về nhật tượng (các hiện tượng liên quan tới Mặt Trời) chiếm số lượng lớn nhất trong các ghi chép về thiên tượng. Trong đó, số ghi chép về nhật thực tổng cộng 70 lần. Có 21 lần nhật thực là nội dung ghi ghép duy nhất của cả năm, chủ yếu nằm trong khoảng thời gian Bắc thuộc lần thứ nhất và thứ hai (từ năm 541 trở về trước). Ngoài hiện tượng nhật thực, các hiện tượng liên quan đến Mặt Trời còn có: Mặt Trời có hai quầng, Mặt Trời rung động, Mặt Trời sắc đỏ, hai Mặt Trời cùng mọc. Hiện tượng hai Mặt Trời cùng mọc xuất hiện một lần vào tháng 6 năm 1179 thời vua Lý Cao Tông và một lần vào giờ Thân ngày 22 tháng 6 năm 1595 thời vua Lê Thế Tông. Hiện tượng hai Mặt Trời cùng rung động xuất hiện duy nhất vào tháng 3 năm 1356. Sử sách Trung Quốc nhiều lần đề cập đến hai hiện tượng này, và cho rằng, đó là điềm hai vua tranh nhau. Song, chắc chắn rằng, hiện tượng hai Mặt Trời xuất hiện là không có thực, nếu có thì đó hẳn là hiện tượng phản xạ hoặc khúc xạ ánh sáng xảy ra ở một địa điểm nào đó, khiến người quan sát sinh ra ảo giác²¹. Cần lưu ý rằng, thông tin được ghi lại ngay sau hiện tượng hai Mặt Trời cùng rung là thông tin hai vị vua Trần Minh Tông và Trần Dụ Tông cùng đi tuần biên giới, đến Nghệ An.

Tần suất các hiện tượng tai dị trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*

Hiện tượng tai dị	Tần số xuất hiện
Nhật tượng	87
Nhật thực	70
Nguyệt tượng	38
Nguyệt thực	31
Tinh tượng	75
Sao Chổi	40
Động đất	13

Chúng tôi cho rằng, việc ghi chép hơn 20 lần nhật thực là thông tin duy nhất của cả năm ở giai đoạn Bắc thuộc, cũng như thông tin hai Mặt Trời cùng mọc ứng với thời kỳ suy vi của nhà Lý và sự trỗi dậy của chúa Trịnh thời Lê; Mặt Trời cùng rung ứng với việc hai vua Trần đi tuần biên giới đều chứa đựng ngụ ý của sử quan. Không loại trừ khả năng một số thông tin trong đó chỉ mang bút pháp văn học thuần túy, không phải sử thực.

3.2. *Điềm lành*

Hán nho Đồng Trọng Thư quan niệm: “Vua ngay thì nguyên khí hòa thuận, mưa gió đúng lúc, sao sáng hiện, rồng vàng bay xuống. Vua không ngay thì trên trời, tặc khí xuất hiện”²², “Việc tốt kéo theo điều tốt, việc xấu kéo theo điều xấu, cùng phẩm loại thì tương ứng đẩy lên [...]. Đế vương sắp nổi lên thì điềm tốt đẹp thấy trước, đế vương sắp diệt vong thì sự yêu nghiệt cũng thấy trước”²³. Chính vì vậy, các ghi chép về điềm lành cũng tương tự như ghi chép về điềm tai dị, đều được liên hệ trực tiếp tới nền đức chính của quân vương.

Có thể nói, trong tổng số các ghi chép về điềm lành ở *Đại Việt sử ký toàn thư*, điềm lành xuất hiện nhiều nhất vào thời Lý, chủ yếu gồm rồng hiện, vết chân thần hiện, có người dâng công voi trắng, hổ trắng, hươu trắng, chim sẻ trắng, quạ trắng, rùa có chữ Hán trên mai. Trong đó mô típ rồng vàng hiện chiếm tỷ lệ tuyệt đối, tổng cộng 24 lần (*Đại Việt sử lược* ghi nhận 59 lần). Cần lưu ý rằng, *Tam Quốc sử ký* được viết vào năm 1145 thời Triều Tiên cũng nhiều lần đề cập đến sự xuất hiện của rồng vàng. Song rồng thường chỉ xuất hiện một lần ở mỗi đời vua, trước hoặc ngay sau khi vị vua hiện lên ngôi²⁴. Trong khi chúng ta thấy mô típ rồng hiện có vẻ như được lạm dụng trong những phần sử liệu chép về triều nhà Lý ở Việt Nam. Nguyên do có thể như Ngô Sĩ Liên nhận định, các vị vua triều Lý đều ưa thích điềm lành, đặc biệt là các vua Lý Nhân Tông “Mộ đạo Phật, thích điềm lành, đó là điều lụy cho đức tốt”²⁵; Lý Thần Tông “quá thích điềm lành, tôn sùng đạo Phật, chẳng đáng quý gì”²⁶.

Rõ ràng rồng không có thật, cho nên việc ghi chép hiện tượng rồng hiện rất có thể chỉ là sản phẩm tưởng tượng của sử quan. Tuy nhiên, không loại trừ khả năng, sự vận động của sấm sét mây mưa cũng được coi là một trong những hiện tượng rồng hiện như cách lý giải của vua Triều Tiên, Thế Tông (Sejong Deawang). *Triều Tiên vương triều thực lục* chép: “Khi giảng đến câu nói của Tống Huy Tông: rồng vàng, rồng

xanh là điềm lành; rồng trắng, rồng đen là tai biến. Trăm sau khi lên ngôi thì thấy rồng đen là tai biến vậy. Vua (Sejong) nói: Có người nào được thấy rồng chưa? Quan Kiểm Thảo Kim Tẫn đáp rằng: Ngày xưa có rồng hiện ở Long Đường, quận Lương Sơn, người ta thấy lưng nó, không thấy đầu đuôi. Vua nói, trong khoảng mây mưa có vật hình thành chuyển động, người ta bảo là rồng châu Thiên Tử. Ta cho rằng, đó không phải là rồng mà là cái khí của mây móc sấm mưa, ngẫu nhiên hình thành nên vậy thôi²⁷.

Sau sự xuất hiện của rồng vàng, loài rùa mắt có sáu ngươi, trên mai có viết chữ Hán cũng nhiều lần được ghi nhận, tổng cộng 13 ghi chép. Nội dung chữ Hán khắc trên mai rùa được diễn giải hầu hết đều mang tính củng cố vương quyền, tôn vinh hoàng đế như “thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế”, “vương công dĩ pháp”, “nhất thiên vĩnh thánh”, “thiên tử vạn niên”... *Tam Quốc sử ký* của Cao Ly cũng đề cập đến việc có người dâng loài rùa mắt có sáu ngươi, mai có chữ Hán cho vua Tân La (Naemul Isageum)²⁸. Ngô Sĩ Liên bình luận: “Rùa là vật linh thiêng, vì nó có thể báo điềm trước, nhưng đời nào cũng thường có, không như rồng, phượng và kỳ lân ít thấy. Thế mà đương thời cho rùa là điềm lành mà đem dâng cho nhiều thế là làm sao? Còn như trên ức có nét chữ chỉ là những vết trắng, nét đen xen nhau vậy mà thôi, bấy tôi nhận là văn tự, đó là chiều ý vua mà nói nịnh thôi, có phải thực có chữ đâu²⁹. Các mô típ điềm lành tương tự có trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có thể dễ dàng tìm thấy trong sử sách của Trung Quốc và Triều Tiên³⁰.

3.3. Sự thần hóa

Sử quan theo truyền thống vu sử phải ghi chép các hiện tượng thiên nhiên, thần dị, liên hệ với triều chính, gắn kết mối quan hệ thần hóa - vương quyền. Trong nhiều trường hợp, có thể do thiếu khuyết sử liệu, cũng có thể nhằm mục đích thần thánh hóa, sử quan hoặc chọn lựa hoặc tự sáng tạo nên các câu chuyện thần thoại, linh dị để đưa vào sử liệu. *Đại Việt sử ký toàn thư* rõ ràng không hoàn toàn là sử thực. Thời gian giãn cách càng xa, sự thần hóa theo đó càng đậm đặc. Rất nhiều câu chuyện được thần hóa như chuyện về họ Hồng Bàng, về An Dương Vương xây thành Cổ Loa, về Triệu Việt Vương khẩn xin móng rồng để đánh giặc, về bài thơ thần *Nam Quốc Sơn Hà* vang vọng lúc nửa đêm từ trong đền Trương tướng quân mà về sau được cho là ứng nghiệm, v.v... Bên cạnh đó, chúng ta còn bắt gặp bút pháp thần hóa trong việc ghi chép các điềm

lành ghán với nguồn gốc xuất thân, dung mạo của các vị minh quân. Nào là Ngô Quyền khi sinh ra có ánh sáng lạ đầy nhà; nào là mẹ vua Lê Đại Hành khi mang thai chiêm báo thấy trong bụng nở hoa sen; vua Lý Thái Tông có bảy nốt ruồi sau gáy như sao thất tinh; vua Lê Thánh Tông được cho là tiên đồng Thượng Đế ban tặng, v.v... Tất cả đều nhằm thần thánh hóa đế vương và chế độ, ngợi ca sự đặc dị của đẳng minh quân. Xét trong toàn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, chỉ có Ngô Quyền, Lê Đại Hành, Lý Thái Tổ, Lý Thánh Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông mới được sử quan thần thánh hóa. Mà bản thân miêu hiệu của các vị vua này (Thái Tổ, Nhân Tông, Thánh Tông) đã thể hiện rõ sự sùng kính của sử quan. Mô típ thân mẫu nằm mơ thấy điềm lành, trên người đế vương có nốt ruồi quý là những mô típ tô vẽ hào quang khuôn sáo theo truyền thống chép sử Trung Hoa. Nhiều khi được ghán ghép, thần hóa đến mức gượng ép và lộ liễu như trường hợp vua Lý Thái Tổ, sau khi lên ngôi truy phong cho cha mình làm Hiển Khánh Vương, song ở phần đầu bản kỷ triều Lý, sử quan lại chép “Mẹ là Phạm thị, đi chơi chùa Tiêu Sơn cùng với người thần giao hợp rồi có chữa”. Dưới ngòi bút thần hóa của sử quan, sử thực và sử liệu đã cách xa nhau đến như vậy.

4. Kết luận

Trong suốt một ngàn năm Bắc thuộc và một ngàn năm phong kiến quân chủ, dưới sự ảnh hưởng mạnh mẽ của truyền thống vu sử Trung Quốc kết hợp với niềm tin bách thần sẵn có của người Việt, các sử quan Việt khi ghi chép sử thực đã sử dụng bút pháp vu sử, với mục đích thần thánh hóa vương triều và chế độ, dự trắc kịp thời để nhắc nhở quân vương tránh khỏi họa lớn. Sử thực được ghi chép lại dưới ngòi bút của sử quan, sau khi được tô thêm lớp màu vu thuật, trở nên rất khó định tính, định lượng. *Đại Việt sử ký toàn thư* rõ ràng không hoàn toàn ghi chép sử thực. Tuy bút pháp vu sử dày đặc thời Lý được giảm mạnh vào thời Lê, sang niềm tin vào thuyết Thiên Mệnh, vào sự giao cảm giữa Trời và Người, vào mối liên hệ giữa thiên tượng và triều chính, xuất phát từ tư tưởng *Xuân Thu* bám rễ trong tư duy của vua quan phong kiến, nhưng đến nay vẫn có những ảnh hưởng nhất định tới tư tưởng và văn hóa Việt Nam./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Trương Cường (1994), *Mối quan hệ giữa văn hóa sử quan và văn hóa vụ quan với thần thoại tôn giáo* (tiếng Trung), Nxb. Khoa học xã hội Giang Tô: 4.
- 2 Chu Hiểu Bằng, “Văn hóa vụ sử và nguồn gốc phép biện chứng của Trung Quốc cổ đại” (tiếng Trung), *Học báo Cao đẳng Sư phạm Thẩm Dương*, số 18: 24.
- 3 Đàm Giai (2008), “Phân tích tính chất vụ sử của *Xuân Thu* và ảnh hưởng của nó trong văn học” (tiếng Trung), *Di sản Văn học*, số 2: 139.
- 4 Đàm Giai (2008), “Phân tích tính chất vụ sử của *Xuân Thu* và ảnh hưởng của nó trong văn học” (tiếng Trung), bdd: 138.
- 5 Trịnh Hiểu Phong (2012), “Điềm mộng và chiêm tượng: lý giải tính tự sự trong văn hóa vụ sử của *Tả Truyện*” (tiếng Trung), *Bắc Phương tùng luận*, số 2: 116.
- 6 Viên Hành Bái (2005), *Trung Quốc văn học sử*, quyển 1 (tiếng Trung), Nxb. Cao đẳng Giáo dục: 78.
- 7 Quách Kim Tiêu (2011), “Từ khởi nguyên văn hóa vụ sử nhìn nhận về nguyên nhân và ảnh hưởng của sự tách rời giữa vụ và sử” (tiếng Trung), *Văn hóa và Kinh tế Biên giới*, số 8: 36.
- 8 Những thông tin chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Đại Việt sử lược* đều có thể dễ dàng tra cứu qua bản pdf của hai cuốn sách này, nên chúng tôi không chú thích số trang.
- 9 Tư Mã Thiên, *Sử ký*: Hiếu Võ bản kỷ đệ thập nhị. Nguyên văn: 是時既灭南越, 越人勇之乃言 [越人俗信鬼, 而其祠皆见鬼, 数有效。昔东甌王敬鬼, 寿至百六十岁。後世讎怠, 故衰耗]。乃令越巫立越祝词, 安台无坛, 亦祠天神上帝百鬼, 而以鸡卜。上信之, 越祠鸡卜始用焉。
- 10 *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd.
- 11 *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd.
- 12 *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd.
- 13 *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd.
- 14 *Xuân Thu phồn lộ*: Tắt nhân thả trí. Nguyên văn: 天地之物, 有不常之变者, 谓之异。小者谓之灾。灾常先至, 而异乃随之。灾者, 天之谴也。异者, 天之威也。谴之而不知, 乃畏之以威。
- 15 *Xuân Thu phồn lộ*: Tắt nhân thả trí. Nguyên văn: 凡灾异之本, 尽生于国家之失。国家之失乃始萌芽, 而天出灾害以谴告之。谴告之, 而不知变, 乃见怪异以惊骇之。惊骇之, 尚不知畏恐, 其殃咎乃至。
- 16 *Tấn thư*: Thiên văn chí. Nguyên văn: 日为太阳之精, 主生养恩德, 人君之象也。。。日蝕, 阴侵阳, 臣掩君之象, 有亡国。。。月为太阴之精, 以之配日, 女主之象; 以之比德, 刑罚之义; 列之朝廷, 诸侯大臣之类。
- 17 *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd.

- 18 Trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngô Sĩ Liên bình luận: Người làm vua đặt đến mức trung hòa thì trời đất định vị, vạn vật sinh sôi và hai khí cũng được điều hòa. Nếu khí âm thịnh mà phạm bừa vào khí dương, thì trời đất tất xuất hiện tai biến để tỏ cho người làm vua biết. Cho nên, tai biến xuất hiện trước rồi sau đó sẽ có chứng nghiệm ngay. Lúc bấy giờ nào nhật thực, nào Mặt Trời lay động, nào đất nứt, nào mưa đá, sao sa, đều là khí âm thịnh hơn khí dương cả. Nếu không phải là triệu chứng tội con mưu hại vua cha thì cũng là điềm di địch xâm lấn Trung Quốc. Phàm người làm vua thận trọng trước sự răn bảo của Trời, lo lắng làm hết phận sự của người thì đó là đạo vẫn hồi tai biến của Trời vậy.
- 19 *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: Về nhạc thì có nhạc tế Giao, nhạc tế Miếu, nhạc tế Ngũ tự, nhạc cứu khi có nhật thực, nguyệt thực. Ngày 1 tháng 1 năm 1435, nhật thực, Bùi Thì Hanh đã mật tâu từ trước nên không hộ cứu Mặt Trời. Ngày 1 tháng 10 năm 1631, có nhật thực, vua cho là bản mệnh cùng hợp với ngày ấy và năm ấy, chỉ trai giới mà không hộ cứu Mặt Trời. Bùi Thì Hanh tâu bậy là đến giờ Mão ngày 16 tháng ấy sẽ có nguyệt thực. Vua ra lệnh cho các quan đến cả cửa Thừa Thiên để cứu trăng, nhưng không thấy nguyệt thực.
- 20 *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd.
- 21 Trần Cửu Kim (2005), *Thần thoại tinh tủa Trung Quốc* (tiếng Trung), Nxb. Đài Loan cổ tịch: 404.
- 22 *Xuân Thu phồn lộ*: Vương đạo. Nguyên văn: 王正, 则元气和顺, 风雨时, 景星见, 黄龙下; 王不正, 则上变天, 贼气并见.
- 23 *Xuân Thu phồn lộ*: Đồng loại tương động. Nguyên văn: 美事召美类, 恶事召恶类, 类之相应而起也。帝王之将兴也, 其美祥亦先见; 其将亡也, 妖孽亦先见.
- 24 Kim Phú Thức (1998), *Tam Quốc sử ký* (chữ Hán), Nxb. Daunsam: 36, 37, 39, 46, 50, 59, 60, 64, v.v...
- 25 *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd.
- 26 *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd.
- 27 *Cao Ly vương triều thực lục*, Thê Tông thực lục, mục ngày 19 tháng 12 nhuận năm Thê Tông thứ 12. Nguyên văn: 乙卯 / 受常参, 轮对, 经筵。讲至宋徽宗云: 黄龙青龙, 祥瑞也。白龙黑龙, 灾变也。朕即位之后, 一见黑龙, 是变也。(上曰): 人可得见龙乎? 检讨管金铉对曰: 往者有龙见于梁山郡龙塘, 人见其腰, 不见头尾。上曰: 云雨间有摇动成形之物, 人谓之龙上天子, 意以为此非龙也, 乃云雾雷雨之气, 偶尔成形而然也。
- 28 Kim Phú Thức (1998), *Tam Quốc sử ký*, sđd.
- 29 *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd.
- 30 Các bộ sử như *Tả Truyện*, *Tư trị thông giám*, *Hán Thư*, *Tống Thư* của Trung Quốc, hay *Tam Quốc sử ký*, *Cao Ly vương triều thực lục* đều ghi chép về các hiện tượng như rồng hiện, rùa sáu người in chữ Hán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Viên Hành Bái (2005), *Trung Quốc văn học sử*, quyển 1 (tiếng Trung), Nxb. Cao đẳng Giáo dục
2. Chu Hiểu Bằng, “Văn hóa vu sử và nguồn gốc phép biện chứng của Trung Quốc cổ đại” (tiếng Trung), *Học báo Cao đẳng Sư phạm Thẩm Dương*, số 18.
3. Trương Cường (1994), *Mối quan hệ giữa văn hóa sử quan và văn hóa vu quan với thần thoại tôn giáo* (tiếng Trung), Nxb. Khoa học xã hội Giang Tô.
4. Đàm Giai (2008), “Phân tích tính chất vu sử của *Xuân Thu* và ảnh hưởng của nó trong văn học” (tiếng Trung), *Di sản Văn học*, số 2.
5. Trần Cửu Kim (2005), *Thần thoại tình tịa Trung Quốc* (tiếng Trung), Nxb. Đài Loan cổ tịch.
6. Trịnh Hiểu Phong (2012), “Điềm mộng và chiêm tượng: lý giải tính tự sự trong văn hóa vu sử của *Tả Truyện*” (tiếng Trung), *Bắc Phương tùng luận*, số 2.
7. Kim Phú Thức (1998), *Tam quốc sử ký* (chữ Hán), Nxb. Daunsaeum.
8. Quách Kim Tiêu (2011), “Từ khởi nguyên văn hóa vu sử nhìn nhận về nguyên nhân và ảnh hưởng của sự tách rời giữa vu và sử” (tiếng Trung), *Văn hóa và Kinh tế Biên giới*, số 8.
9. *Đại Việt sử lược* (chữ Hán), tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv.1521.
10. Trần Kinh Hòa hiệu đính (1984), *Đại Việt sử ký toàn thư* (chữ Hán), Trung tâm Nghiên cứu Văn hiến Đông Dương, Nhật Bản.
11. *Xuân Thu phồn lộ* (chữ Hán), Nxb. Thượng Hải cổ tịch, 1989.
12. *Tấn Thư* (chữ Hán), Nxb. Trung Hoa thư cục, 1974.
13. Tư Mã Thiên (2009), *Sử ký* (chữ Hán), Nxb. Trung Hoa thư cục.
14. *Triều Tiên vương triều thực lục* (chữ Hán), <http://sillok.history.go.kr>.

Abstract

**DEIFICATION AND ROYAL AUTHORITY THROUGH
THE NARRATIVE STYLE IN THE HISTORICAL WORKS
“ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ”**

“Vu sử” was the narrative style in writing ancient history that connected a good omen or a bad omen and dreams with the administration of the kingdom in order to honor and to protect the royalty. The influence of the Chinese tradition of the narrative style in writing ancient history through one thousand years under the rule by Chinese along with the belief in Vietnamese’s dozens of divines, Vietnamese feudal historians used the narrative style in order to deify the royal authority and feudalism, to predict and help the king avoid disaster. This text indicates a Vietnamese tradition of narrative style in writing ancient history through the historical works “Đại Việt sử ký toàn thư”.

Keywords: “Vu sử”, deification, royal authority, Đại Việt sử ký toàn thư.